

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/HS-ST

Ngày: 18 - 3 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Điệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trần Thị Luận

- Bà Nguyễn Thị Huệ

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:** Ông Phùng Văn Huân - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 03 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 16/2022/TLST-HS ngày 03 tháng 3 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2022/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 03 năm 2022 đối với bị cáo:

Phạm Văn L, sinh năm: 1986; Giới tính: Nam; Nơi ĐKKHKT: thôn L1, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 05/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Phạm Văn N và con bà Lê Thị B; gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ hai; vợ là chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1980;

- Tiền án, tiền sự: chưa;

- Nhân thân: quyết định quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình số 397A/QĐ-UBND ngày 09/7/2021 của UBND xã N, huyện N thời hạn 06 tháng;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/12/2021, đến ngày 24/12/2021 chuyển tạm giam. Hiện đang tạm giam tại trại tạm giam công an tỉnh Hải Dương. Có mặt tại phiên tòa.

** Người làm chứng:*

Ông Đặng Huy H, sinh năm 1963. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung

vụ án được tóm tắt như sau:

Trưa ngày 23/12/2021, Phạm Văn L (*là đối tượng nghiện ma túy*) đi nhờ xe người đi đường từ nhà xuống khu vực cổng trường M thuộc địa phận thôn T1, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương chơi. Khi đến nơi, L xuống đi bộ và gặp 01 người đàn ông quen biết ngoài xã hội (*không rõ tên, tuổi, địa chỉ*) cho 01 gói nilong bên trong có ma túy. L cầm gói ma túy trên cát vào túi quần phía sau bên trái rồi đi bộ đến trước cổng trường M thì bị lực lượng công an huyện N phát hiện bắt quả tang vào hồi 13 giờ 10 phút cùng ngày, thu giữ bên trong túi quần bờ phía sau bên trái L đang mặc 01 túi nilong kích thước 02x02cm có chứa tinh thể màu trắng. L khai nhận túi nilong chứa tinh thể màu trắng trên là ma túy, cất giấu với mục đích để sử dụng.

Tại Kết luận giám định số 82/TB-PC09 ngày 24/12/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự CA tỉnh Hải Dương: chất rắn (dạng tinh thể) màu trắng trong túi nilon màu trắng được niêm phong trong phong bì, gửi đến giám định khối lượng 0,2 gam là ma túy, loại Methamphetamine. Hoàn lại giám định 0,181 gam, ma túy loại Methamphetamine, 01 vỏ túi nilon màu trắng và 01 vỏ phong bì niêm phong mẫu vật gửi giám định.

Về vật chứng: Đối với 01 phong bì niêm phong số 82/KLGD-PC09 của Phòng PC09 Công an tỉnh Hải Dương bên trong có 0,181 gam, ma túy loại Methamphetamine hoàn lại sau giám định và 01 vỏ túi nilon màu trắng, 01 vỏ phong bì niêm phong mẫu vật gửi giám định hiện đang được quản lý tại kho vật chứng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện huyện N chờ xử lý.

Tại Cáo trạng số 17/CT-VKS-NS ngày 01/3/2022, Viện kiểm sát nhân huyện N, tỉnh Hải Dương truy tố Phạm Văn L về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N giữ nguyên quan điểm như đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử: Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Văn L phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"; Về hình phạt: căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự, đề nghị: Xử phạt bị cáo Phạm Văn L từ 13 đến 16 tháng tù, thời hạn tính từ ngày tạm giữ 23/12/2021; Về hình phạt bổ sung: không áp dụng; Về vật chứng: Tịch thu cho tiêu hủy 0,181 gam Methamphetamine là vật cấm lưu hành; 01 vỏ túi nilon màu trắng, 01 vỏ phong bì niêm phong mẫu vật hoàn lại sau giám định theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ

luật Tố tụng hình sự. Về án phí: bị cáo Phạm Văn L phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, VKSND huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Hồi 13 giờ 10 phút ngày 23/12/2021, tại khu vực đồi diện công trường M thuộc thôn T1, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương, Phạm Văn L có hành vi tàng trữ trái phép 0,2 gam ma túy Methamphetamine trong túi quần bên trái phía sau bị công an huyện N phát hiện bắt quả tang, thu giữ vật chứng. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố bị cáo về tội danh và điều luật như trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội được pháp luật bảo vệ. Chất ma túy có tính kích thích thần kinh, có tác hại rất lớn đến sức khỏe của con người cũng như toàn xã hội. Hành vi tàng trữ ma túy để sử dụng còn là một tệ nạn xã hội và là nguyên nhân dẫn đến căn bệnh thế kỷ HIV – AIDS. Bị cáo đã tự nguyện cai nghiện ma túy tại gia đình thời hạn 06 tháng nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học kinh nghiệm cho bản thân mà lại tiếp tục phạm tội, điều này càng chứng tỏ bị cáo là người có nhân thân xấu. Vì vậy, cần áp dụng một hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo nên được hưởng tình

tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về vật chứng: Đối với 0,181 gam Methamphetamine là vật cấm lưu hành; 01 vỏ túi nilon màu trắng, 01 vỏ phong bì niêm phong mẫu vật hoàn lại sau giám định nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[7] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Đối với người đàn ông cho L ma túy không xác định được lý lịch, địa chỉ nên không có căn cứ xử lý là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106, Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Văn L phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Phạm Văn L 13 (mười ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 23/12/2021

3. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu cho tiêu hủy 0,181 gam Methamphetamine là vật cấm lưu hành; 01 vỏ túi nilon màu trắng, 01 vỏ phong bì niêm phong mẫu vật hoàn lại sau giám định đựng trong 01 phong bì niêm phong số 82/KLGD-PC09 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hải Dương (*Đặc điểm vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N và Chi cục Thi hành án dân sự huyện N*)

4. Về án phí: Buộc bị cáo Phạm Văn L phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- VKSND huyện N;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- CQCSĐT - Công an huyện N;
- CQ THAHS - Công an huyện N
- Chi cục THADS huyện N;
- Trại tạm giam công an tỉnh Hải Dương;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Điệp